

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;  
chỉ tiêu biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2020 tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Công văn số 6018/BNV-TCBC ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Đắk Nông năm 2020;*

*Căn cứ Công văn số 565/BNV-TCBC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Nội vụ về giao chỉ tiêu biên chế cho các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tiêu biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông năm 2020;*

*Căn cứ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 393/TTr-SNV ngày 03 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên năm 2020 tỉnh Đắk Nông là **13.655** người; chỉ tiêu biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông là **103** biên chế (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện



1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh đúng quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Bố trí số người làm việc trong phạm vi được giao theo đúng quy định, đúng yêu cầu vị trí việc làm và bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm túc các quy định về tinh giản biên chế theo lộ trình.

3. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, cấp phát và quyết toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị theo chỉ tiêu biên chế được giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ Trưởng các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NCKSTT (Th).



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bốn**





**PHỤ LỤC**

VỀ VIỆC GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC  
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÁC  
HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số số 1006/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2019	Số lượng tăng, giảm	Giao năm 2020	Ghi chú
<b>A</b>	<b>SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13.995</b>	<b>-340</b>	<b>13.655</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.364</b>	<b>-128</b>	<b>4.236</b>	
1	Sở Nội vụ	10	0	10	
2	Sở Tư pháp	26	0	26	
3	Sở Công Thương	16	0	16	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	159	-35	124	
5	Sở Giao thông vận tải	17	-17	0	
6	Sở Xây dựng	3	0	3	
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	87	-1	86	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	-1	49	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	134	-2	132	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	18	0	18	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.603	-10	1.593	
12	Sở Y tế	2.047	-52	1.995	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22	0	22	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	7	0	7	
15	Văn phòng UBND tỉnh	24	0	24	
16	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	79	0	79	
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	5	0	5	
18	BALDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	10	-10	0	
20	BQLDA ĐTXDCT NN&PTNT tỉnh	5	-5	0	
21	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	41	+5	46	
22	BQL Công viên Địa chất Đắk Nông	1	0	1	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.601</b>	<b>-182</b>	<b>9.419</b>	
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	882	-18	864	
2	UBND huyện Đắk Glong	1.014	-5	1.009	
3	Huyện Đắk R'lấp	1.366	-30	1.336	
4	UBND huyện Đắk Song	1.152	-30	1.122	
5	Huyện Đắk Mil	1.508	-26	1.482	
6	Huyện Cư Jút	1.375	-31	1.344	
7	Huyện Krông Nô	1.358	-30	1.328	
8	Huyện Tuy Đức	946	-12	934	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>30</b>	<b>-30</b>	<b>0</b>	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ</b>				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>103</b>	<b>0</b>	<b>103</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>67</b>	<b>0</b>	<b>67</b>	
1	Liên minh Hợp tác xã	17		17	

2	Hội chữ thập đỏ	12		12	
3	Hội văn học nghệ thuật	10	+1	11	
4	Hội Nhà báo	2		2	
5	Hội nạn nhân chất độc da cam	3		3	
6	Hội Đông y	7	-1	6	
7	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	3		3	
8	Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia	3		3	
9	Hội Cựu thanh niên xung phong	3		3	
10	Hội Khuyến học	4		4	
11	Hội người cao tuổi	3		3	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	5		5	
2	UBND huyện Đắk Glong	4		4	
3	Huyện Đắk R'lấp	4		4	
4	UBND huyện Đắk Song	4		4	
5	Huyện Đắk Mil	4		4	
6	Huyện Cư Jút	7		7	
7	Huyện Krông Nô	4		4	
8	Huyện Tuy Đức	4		4	

*Handwritten signature*

